

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TẠI HÀ NỘI** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HC-PT

Ngày 20 - 01 - 2025

V/v yêu cầu hủy các quyết định

hành chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Minh

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Thúy Bình và ông Hồ Sỹ Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Hà Duy Thảo  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 568/2024/TLPT-HC ngày 15/11/2024 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2024/HC-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2025/QĐPT-HC ngày 06/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Lưu Ngọc T1 - Văn phòng Luật sư Hoàng Gia T2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện S, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đỗ Minh T3 - Phó Chủ tịch UBND huyện S. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chủ tịch UBND huyện S, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện S: Ông Đỗ Minh T3 - Phó Chủ tịch UBND huyện S. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.2. UBND xã T, huyện S. Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã T: Ông Nguyễn Xuân M - Phó Chủ tịch UBND xã T. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.3. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1974; bà Đoàn Thị H, sinh năm 1976; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1997; chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1999; anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 2004; cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (đều vắng mặt)

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bà T thống nhất trình bày:*

Theo bản đồ địa chính 1993: Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 02, tại thôn N, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội có diện tích 414m<sup>2</sup>. Nguồn gốc: UBND xã T giao đất ở trái thẩm quyền năm 1972, có diện tích 228m<sup>2</sup>. Kể từ khi được cấp đất ở đến nay, hộ gia đình bà Nguyễn Thị T vẫn sử dụng thửa đất vào mục đích đất ở, ổn định.

Ngày 28/6/2016, UBND huyện S, thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 3104/QĐ-UBND về việc thu hồi 71,3m<sup>2</sup> đất ở của bà Nguyễn Thị T. Đồng thời phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (viết tắt là BT, HT) đối với 71,3m<sup>2</sup> đất này theo quy định. Chi nhánh Phát triển quỹ đất S (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất S) phối hợp với UBND xã T phát phương án chi tiết BT, HT 71,3m<sup>2</sup> đất ở cho bà T.

Công tác giải phóng mặt bằng (viết tắt là GPMB) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ B đoạn N - V do Công ty cổ phần B triển khai. Vì vậy, việc rà soát thu thập hồ sơ, dữ liệu cung cấp cho bà Nguyễn Thị T đến đầu tháng 02/2017 Chi nhánh Phát triển quỹ đất S mới thu thập đầy đủ dữ liệu. Việc bàn giao các quyết định và chi trả tiền BT, HT: Sau thời gian thu thập tài liệu từ chủ đầu tư GPMB (Công ty B) và nhiều lần mời bà T nhận tiền và nhận các quyết định. Đến ngày 28/3/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện S tiếp tục mời bà T (lần 3) để bàn giao các tài liệu, bà T đã chấp nhận tiếp nhận các văn bản theo Bản án hành chính phúc thẩm số 55/2015/HCPT ngày 11/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (viết tắt là Bản án hành chính phúc thẩm số 55/2015).

Ngày 29/3/2017, Công ty Cổ phần B tiếp tục mời bà T đến nhận tiền, bà T đã nhận đủ số tiền theo Quyết định phê duyệt của UBND huyện S. Như vậy, UBND huyện S đã thực hiện xong cả 2 nội dung yêu cầu của Bản án hành chính phúc thẩm số 55/2015.

Do không đồng ý với các quyết định phê duyệt về BT, HT khi thực hiện GPMB để thực hiện dự án BOT Quốc lộ B, bà T đã có đơn khiếu nại các quyết định này của UBND huyện S. Ngày 10/5/2010, UBND huyện đã có Quyết định số 3171/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà T. Tuy nhiên, bà T vẫn không đồng ý và tiếp tục khởi kiện ra Tòa án về nội dung trên. Vì vậy việc thực hiện các nội dung điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định 3171/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 phải chờ quyết định cuối cùng của Tòa án.

Về thẩm quyền ban hành Quyết định 3171/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND huyện S: Trong quá trình làm việc tại Tòa án để giải quyết vụ kiện, UBND huyện S phát hiện việc ban hành quyết định trên của UBND huyện S là chưa đúng thẩm quyền do lỗi kỹ thuật về trình bày và soạn thảo văn bản. Ngày 28/3/2024, UBND huyện S đã có Văn bản số 651/UBND-TTr về việc đính chính các quyết định giải quyết khiếu nại, theo đó, UBND huyện S đã đính chính thẩm quyền ban hành 07 quyết định giải quyết khiếu nại của 07 hộ dân liên quan đến dự án, trong đó có Quyết định 3171/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND huyện S đối với hộ bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử:

Hủy một phần quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường;

Hủy một phần quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bổ sung thêm yêu cầu sau:

Hủy Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 10/05/2010 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của bà T lần thứ nhất;

Hủy Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND huyện S về việc thu hồi 71,3m<sup>2</sup> đất ở;

Hủy Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện S và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch huyện S, UBND xã T trình bày:*

UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6057/QĐ-UBND ngày 17/9/2004, về việc thu hồi 57.109m<sup>2</sup> đất tại xã T và T, huyện S; giao cho Công ty Cổ phần B để cải tạo nâng cấp Quốc lộ B đoạn N - V thuộc địa phận thành phố Hà Nội.

UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 26/05/2006, về việc thu hồi 14.940m<sup>2</sup> đất tại xã T và xã T, huyện S, giao cho Công ty Cổ phần B để xây dựng hoàn trả hệ thống kênh mương thủy lợi phục vụ thi công cải tạo nâng cấp quốc lộ B đoạn N - V thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó có gia đình bà Nguyễn Thị T với tổng diện tích thu hồi là 105,32m<sup>2</sup> (34,02m<sup>2</sup> đất thổ cư và 71,3m<sup>2</sup> đất hành lang giao thông).

Ngày 31/5/2007, UBND huyện S, thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1446/QĐ-UBND phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ B, Đoạn N - V thuộc địa bàn thành phố Hà Nội - Địa phận xã

T (đợt 9) với tổng kinh phí 16.699.023.143đồng. Gia đình bà T: Diện tích đất thu hồi 16,2m<sup>2</sup>, thành tiền 60.750.000đồng; Bồi thường công trình 2.670.990đồng; Bồi thường cây cối hoa màu 50.000đồng. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ: 63.470.990đồng.

Ngày 21/8/2009, UBND huyện S, thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 9692/QĐ-UBND về việc thu hồi 34,02m<sup>2</sup> đất của gia đình bà Nguyễn Thị T, thôn T, xã T, giao cho Công ty Cổ phần B để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ B - đoạn N - V thuộc địa bàn thành phố Hà Nội.

Ngày 24/8/2009, UBND huyện S, thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 9668/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ B đoạn N - V thuộc địa phận xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (đợt 13). Gia đình bà Nguyễn Thị T: Diện tích đất thu hồi 17,82m<sup>2</sup>, thành tiền 74.844.000đồng (4.200.000đ/ m<sup>2</sup>); Hỗ trợ đất hành lang diện tích 71,3m<sup>2</sup>, thành tiền 3.656.000đồng (50.000đ/ m<sup>2</sup>). Tổng tiền bồi thường hỗ trợ: 78.409.000đồng.

Ngày 05/02/2010, UBND huyện S, thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 674/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ B - đoạn N - V thuộc địa phận xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (đợt 15). Hỗ trợ, đền bù công trình nhà cấp 4 trên đất của gia đình bà Nguyễn Thị T là 25.423.140đồng.

Bà T không đồng ý với các quyết định nêu trên đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện S. Ngày 10/5/2010, UBND huyện S ban hành quyết định số 3171/QĐ-UBND trả lời khiếu nại của gia đình bà T.

Ngày 22/9/2011, bà Nguyễn Thị T khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, cho rằng: Gia đình bà bị thu hồi 105,32m<sup>2</sup> đất có nguồn gốc hợp pháp, đủ điều kiện được đền bù theo đơn giá đất thổ cư nhưng UBND huyện S đã không ban hành quyết định thu hồi đất, không tổ chức giao nhận quyết định phê duyệt phương án BT; ghi nhận diện tích đất bị thu hồi thấp hơn thực tế, tổ chức cưỡng chế trái quy định của pháp luật; bà đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện S nhưng chưa được giải quyết đúng và đủ. Bà đề nghị Tòa án giải quyết hai yêu cầu: Xác định hành vi thu hồi đất của UBND huyện S là trái quy định của pháp luật, vì không ban hành quyết định thu hồi đất, không giao quyết định thu hồi đất và không giao quyết định phê duyệt phương án BT, phải hoàn thiện lại toàn bộ hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi đất và đề nghị xem xét lại quyết định phê duyệt phương án BT và buộc UBND huyện S phải BT toàn bộ cho gia đình bà diện tích đã thu hồi thực tế là 129,6m<sup>2</sup> và các công trình, tài sản trên đất. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện S và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch huyện S và UBND xã T đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 12/2014/HCST ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã quyết định:



Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với UBND huyện S: Xác định hành vi không giao quyết định thu hồi đất số 9692, 1446, 9668, 674 của UBND huyện S cho bà Nguyễn Thị T là còn thiết sót.

Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện khác của bà Nguyễn Thị T.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 10/10/2014, bà Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án vì cho rằng xét xử không khách quan, áp dụng không đúng các quy định của pháp luật và không đúng với yêu cầu khởi kiện

Tại bản án phúc thẩm số 55/2015/HCPT ngày 11/9/2015 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 12/2014/HCST ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử:

*1. Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện S không ban hành và không giao quyết định thu hồi đất cá biệt đối với 71,3m<sup>2</sup> đất ở chứ không phải đất hành lang giao thông như trong quyết định số 9668 của UBND huyện S; Hành vi hành chính không giao quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường số 9692, 1446, 9668, 674 đối với gia đình bà Nguyễn Thị T là trái pháp luật. Buộc UBND huyện S phải hoàn thiện lại toàn bộ hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi đất theo đúng quy định.*

*2. Buộc UBND huyện S phải thực hiện hành vi ban hành và giao các quyết định phê duyệt nêu trên kèm theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ về đất ở là 105,32m<sup>2</sup> và các tài sản công trình, cây cối trên đất đã thu hồi thực tế cho hộ gia đình bà T theo đúng quy định của pháp luật.*

Sau khi Bản án hành chính phúc thẩm số 55/2015 có hiệu lực thi hành, UBND huyện S đã thực hiện: Ban hành Quyết định thu hồi đất số 3104/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 thu hồi 71,3m<sup>2</sup> đất ở đối với bà Nguyễn Thị T. Cùng ngày, UBND huyện S ban hành quyết định số 3105/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại xã T và T, huyện S. Phê duyệt 01 phương án, hộ bà Nguyễn Thị T. Tổng tiền BT, HT: 317.415.000đồng (BT về đất 71,3m<sup>2</sup> x 4.5000đ; 01 cây sung x 140.000đ. Tổng là 320.990.000đ - số tiền đã BT, HT 3.575.000đ = 317.415.000đ). Bà T đã nhận đủ số tiền này. Ngày 28/3/2017, thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện S, đã tiến hành bàn giao các quyết định số 9692, 3104, 1446, 9668, 674 cho bà Nguyễn Thị T. Bà T đã ký xác nhận.

Ngày 12/4/2017, bà Nguyễn Thị T lại có đơn khởi kiện vụ án hành chính gửi đến Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, cho rằng UBND huyện S đã áp dụng không đúng các quy định của pháp luật. Buộc UBND huyện S phải bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi là 132m<sup>2</sup> theo khung giá đền bù đất thổ cư năm 2016. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

Hủy một phần quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường;

Hủy một phần quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường.

Sau khi xem xét hồ sơ vụ án thụ lý số 295/2017 ngày 02/10/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 101/2018/QĐ-ST ngày 30/10/2018 với lý do: *Căn cứ Bản án phúc thẩm số 55/2015/HCPT ngày 11/09/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật và không bị kháng nghị. Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1446 và 9668 đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án và bản án của Tòa án đã được UBND huyện S thực hiện xong.*

Ngày 06/11/2018, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ số 101/2018/HCPT ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 91/2019/QĐ-PT ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng: *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định bà Nguyễn Thị T chỉ khởi kiện Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/8/2007 và Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009; và hai quyết định này đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T. Do đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 101/2018/QĐST-HC ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để tiếp tục giải quyết vụ án”.*

Ngày 10/01/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý lại vụ án hành chính sơ thẩm số 16/2020/TLST-HC để giải quyết các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Theo đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2017. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/10/2023, bà T bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2024/HC-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm d khoản 1 Điều 123; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đất đai 2003, 2013; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện S về phê duyệt phương án BT; Hủy một phần Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của bà T lần thứ nhất.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND huyện S về việc thu hồi đất và Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/5/2024, ông Lê Ngọc T5 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, hủy bản án hành chính sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của phía người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2024/HC-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 09/5/2024, ông Lê Ngọc T5 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện S, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch huyện S và UBND xã T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; ông T4, bà H,

bà L, chị H1, chị P và anh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Đối với các yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường không xem xét tới thời hiệu khởi kiện bởi đây là những quyết định đã được giải quyết bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (bản án phúc thẩm số 55) và đã được UBND huyện S thực hiện xong.

Đối với Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 10/05/2010 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần thứ nhất đối với bà T. Tại Bản án số 12/2014/HCST ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, bà T đã xuất trình và nêu tới quyết định này, tuy không phải là quyết định hành chính bị kiện nhưng là quyết định hành chính có liên quan trong vụ án cần phải xem xét. Tuy nhiên, bản án đã không xem xét đến quyết định này. Đến bản án hành chính phúc thẩm số 55/2015/HCPT ngày 11/9/2015, tại phần nhận định thể hiện: *“Trên cơ sở khiếu nại của bà T, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 về việc không chấp nhận đơn khiếu nại của bà T, ngày 28/9/2011 bà T đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý và giải quyết là đảm bảo trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính”*. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự, cần xác định thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 3171 là còn trong thời hạn 01 năm (được tính từ ngày 01/7/2011, ngày Luật tố tụng hành chính năm 2010 có hiệu lực đến ngày bà T làm đơn khởi kiện lần đầu 28/9/2011) như tại Bản án hành chính phúc thẩm số 55 đã nhận định. Các quyết định nêu trên đều là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và còn thời hiệu khởi kiện theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Khi xem xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện, cần xem xét cả tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện, cụ thể trong vụ án này là Quyết định số 73169/QĐ-UBND ngày 06/10/2009 của UBND huyện S về việc tổ chức cưỡng chế bảo vệ thi công Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ B đoạn N-V, thấy rằng: Quyết định số 73169 được ban hành dựa trên các quyết định thu hồi đất của UBND thành phố H và



theo đề nghị của UBND xã T. Các nội dung của Quyết định số 73169 đều đảm bảo đúng và chính xác theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành đối với các Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND huyện S (viết tắt là Quyết định số 3104) về việc thu hồi 71,3m<sup>2</sup> đất ở của hộ gia đình bà Nguyễn Thị T đang sử dụng đất tại thôn T, xã T để GPMB thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ B đoạn Hà Nội-V thuộc địa phận xã T và Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND huyện S (viết tắt là Quyết định số 3105) về việc phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư khi nhà nước thu hồi 57.109m<sup>2</sup> đất tại xã T và xã T huyện S. Các quyết định này được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.3] Về nội dung các quyết định:

Quyết định số 3104 được ban hành căn cứ vào các quyết định thu hồi đất của UBND thành phố H và Bản án hành chính phúc thẩm số 55/2015/HCPT của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật và được thi hành. Các nội dung của Quyết định số 3104 đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật như bản án số 55 đã quyết định.

Quyết định số 3105: Thay vì xác định 71,3m<sup>2</sup> là đất hành lang giao thông chỉ được hỗ trợ 50.000đ/1m<sup>2</sup>, gia đình bà Nguyễn Thị T được bồi thường 71,3m<sup>2</sup> đất ở với đơn giá 4.500.000đ/1m<sup>2</sup> là phù hợp với bảng giá số 8 - Bảng giá đất ven trục đầu mối giao thông chính thuộc huyện S ban hành kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H về các loại giá đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ năm 2015 đến năm 2019. Bồi thường 01 cây sung đường kính 10cm với giá 140.000đồng đúng theo thông báo số 7218/STC-BG ngày 30/12/2015 của Sở T6 về đơn giá BT, HT các loại cây trồng, hoa màu, vật nuôi trên đất phục vụ công tác GPMB trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2016. Do trước đó gia đình bà T đã được nhận số tiền hỗ trợ 3.575.000đồng đối với diện tích 71,3m<sup>2</sup> và 01 cây sung đường kính 10cm nên số tiền phê duyệt bổ sung được thanh toán cho hộ bà Nguyễn Thị T là 320.990.000đ - 3.575.000đ = 317.415.000đồng là đúng theo quy định.

Như vậy hai Quyết định 3104 và 3105 là các quyết định có nội dung hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và Bản án hành chính phúc thẩm số 55/HC-PT ngày 11/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với Quyết định số 3104 và Quyết định số 3105 là có cơ sở.

[2.4] Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND huyện S về giải quyết đơn của bà T về việc BT đối với gia đình khi GPMB để xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường quốc lộ 2 (viết tắt là Quyết định số 3171):

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành: Quyết định số 3171 được ban hành bởi UBND huyện S là chưa đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 20

của Luật khiếu nại, tố cáo ngày 02/12/1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo. Điều 20 quy định: “*Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền: Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình;...*”. Như vậy, thẩm quyền giải quyết khiếu nại thuộc về Chủ tịch UBND chứ không phải UBND. Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị UBND huyện S xem xét rút kinh nghiệm, cần thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại là phù hợp.

Về nội dung Quyết định số 3171:

*“Điều 1: Việc tổ công công tác GPMB đường QL2 tiến hành kiểm kê, UBND xã T xác nhận trong sổ diện tích đất của gia đình bà T đang sử dụng nằm trong chỉ giới GPMB đường QL2 có 34,02m<sup>2</sup> đất ở và 71,3m<sup>2</sup> đất hành lang là không chính xác so với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình. Việc hội đồng GPMB tháo dỡ gian nhà nằm trong chỉ giới GPMB đường QL2 không ảnh hưởng đến kết cấu của căn nhà hiện gia đình bà T đang ở, do đó bà T đòi bồi thường cả căn nhà hiện gia đình bà đang ở là không có căn cứ.*

*Điều 2: Giao Hội đồng GPMB dự án nâng cấp, mở rộng đường QL2 huyện S lập phương án bổ sung diện tích 23,65m<sup>2</sup> đất ở; điều chỉnh phương án số 27 ngày 10/6/2009, diện tích 71,3m<sup>2</sup> đất hành lang thành diện tích 47,65m<sup>2</sup> đất hành lang và điều chỉnh đơn giá cây sung theo kiểm kê số 12 ngày 23/11/2006 của tổ công tác GPMB đường QL2 theo đúng quy định”.*

Căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 55 đã nhận định, đánh giá lại toàn bộ các nội dung được nêu trong Quyết định số 3171, trong đó có nội dung liên quan tới việc bồi thường toàn bộ căn nhà cấp 4 bà T đang ở và xem xét bồi thường lại đối với cây sung có đường kính 10cm là đồng nhất với nhau. Về nội dung xác định diện tích đất ở bị thu hồi tại Quyết định số 3171 còn thiếu và chưa đảm bảo quyền lợi của gia đình bà T, đã được bản án phúc thẩm số 55 xác định lại. Chính vì vậy một phần Quyết định số 3171 về phần diện tích đất thu hồi của gia đình bà T được bồi thường theo đơn giá đất ở còn thiếu. Tuy nhiên, tại các Quyết định số 3104 và 3105 của UBND huyện S đã ban hành đền bù toàn bộ 71,3m<sup>2</sup> theo đơn giá đất ở là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Số tiền đền bù cũng đã được gia đình bà T ký nhận.

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện S phải bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi là 132m<sup>2</sup> theo khung giá đền bù đất thổ cư năm 2016 là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bà T cho rằng bà phải được bồi thường theo diện tích thực tế sử dụng là 132m<sup>2</sup> cũng không có cơ sở chấp nhận, bởi các quyết định thu hồi đất thì diện tích bị thu hồi là 105,5m<sup>2</sup> nên phương án BT, HT&TĐC chỉ căn cứ trên diện tích thu hồi.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đề nghị hủy Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần thứ nhất đối với bà T là không có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định trên thấy, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường; Hủy một phần Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường là không có cơ sở chấp nhận, vì hai quyết định này đều đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nên trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết lại và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới có ý nghĩa chứng minh cho nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T do ông Lưu Ngọc T1 đại diện, cần giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T do ông Lưu Ngọc T1 đại diện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2024/HC-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] Án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Minh**